

Bản án số: 218/2024/DS-ST  
Ngày: 13-08-2024  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Hậu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Đoàn Kim Sơn;
- Ông Trương Thanh Long;

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 13 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2024/TLST - DS ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2024/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu H là ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1993; Nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Có mặt

*2. Bị đơn:*

Bà Lê Hồng V, sinh năm 1972; Vắng mặt.

Ông Võ Phú L, sinh năm 1967. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 6 ấp C, Phụng Đức B, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H1 trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thu H và bà Lê Hồng V là chỗ quen biết, cũng có mối quan hệ bà còn gần nên bà H đã hai lần cho bà V vay tiền, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 01/4/2018 bà H có cho bà Lê Hồng V vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất 1,6%/tháng, thời hạn vay là 03 năm, mục đích cho vay là để bà V lo công việc gia đình, cải tạo vườn đất. Bà H đã giao đủ cho bà V số tiền này và hai bên có làm biên nhận ngày 01/4/2018 tại nhà của bà H. Sau khi nhận được tiền, bà V đóng lãi hàng tháng đầy đủ cho bà H từ ngày vay đến 01/05/2020 thì ngưng không đóng nữa.

Lần 2: Vào ngày 13/4/2020 bà H tiếp tục cho bà Lê Hồng V vay số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), lãi suất 1,6%/tháng, thời hạn vay là 03 năm, mục đích cho vay là để bà V lo công việc gia đình, cải tạo vườn đất. Bà H đã giao đủ cho bà V số tiền này và hai bên có làm biên nhận ngày 13/4/2020 tại nhà của bà H. Sau khi nhận được tiền, bà V không đóng lãi cũng không trả vốn cho bà H từ đó đến nay.

Mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu bà V trả tiền nhưng bà V cứ hẹn lần lượt mà không trả, thậm chí bà H còn có thiện chí cho trả dần nhưng cũng không chịu trả.

Khi cho bà V vay tiền thì chồng bà V có biết, lần thứ nhất chính ông L chở bà V qua nhà của bà H nhận tiền nhưng do chỗ quen biết, tin tưởng nên bà H không có yêu cầu ông L cùng ký tên vào biên nhận. Lần thứ hai tuy ông L không trực tiếp chở bà V đến nhận tiền nhưng sau đó bà H có nói cho ông L biết. Sau này khi bà H đến nhà yêu cầu trả tiền thì ông L còn hứa để từ từ trả.

Do bà đã nhiều lần yêu cầu bà V, ông L trả tiền nhưng bà V, ông L không trả, vì vậy nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V và ông L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/05/2020 đến 31/12/2023 với mức lãi suất 1,6%/tháng với số tiền là 98.560.000 đồng, đồng thời yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi đến khi giải quyết xong vụ án.

*Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 17/05/2024, biên bản hòa giải ngày 03/07/2024 bị đơn bà Lê Hồng V trình bày:*

Bà Lê Hồng V thừa nhận trước đây có vay tiền của bà Nguyễn Thị Thu H nhưng không phải vay 20.000.000 đồng và 120.000.000 đồng theo như lời trình bày của bà H, mà cụ thể như sau:

Lần thứ nhất vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào năm 2018 (không nhớ ngày, tháng), lãi suất mỗi tháng là 800.000 đồng, không có thỏa thuận thời hạn trả mà chỉ đóng lãi hàng tháng, khi nào có tiền thì trả vốn. Mục đích vay tiền là để làm vốn bán vé số, kiếm thêm thu nhập lo cuộc sống gia đình. Việc bà vay tiền chỉ một mình bà biết, còn chồng bà là ông Võ Phú L không biết. Sau khi vay

tiền thì bà vẫn đóng lãi đầy đủ nhưng khi xảy ra dịch bệnh buôn bán khó khăn nên bà không có tiền đóng lãi từ đó đến nay.

Lần thứ hai: Vay tiền góp 10.000.000đ (Mười triệu đồng) vào năm 2020 (không nhớ ngày, tháng), tức là trong vòng 01 tháng phải trả đủ cả vốn và lãi là 12.000.000 đồng. Khi đến tháng bà có trả 6.000.000 đồng, còn nợ lại 6.000.000 đồng từ đó đến nay không có trả vốn cũng không trả lãi.

Lần thứ 3: Sau lần 2 khoảng một tháng bà vay tiếp tiền góp 10.000.000đ (Mười triệu đồng), với phương thức mỗi ngày góp 400.000 đồng trong vòng 01 tháng. Bà góp được khoảng nửa tháng thì ngưng luôn đến nay, còn nợ lại 6.000.000 đồng từ đó đến nay không có trả.

Như vậy, tổng số tiền bà còn nợ lại bà H đến nay là 22.000.000 đồng. Hiện nay do hoàn cảnh bà khó khăn, bà hiện cũng còn nợ nhiều tiền nhiều người nên xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Việc bà V vay tiền bà không có nói cho chồng biết nên chồng bà không đồng ý cùng bà trả. Mỗi khi Tòa án mời làm việc bà cũng có cho ông L biết nhưng ông L nói không liên quan nên không chịu đến Tòa án làm việc.

Đối với biên nhận ngày 13/4/2018 và ngày 01/4/2020 mà bà H cung cấp cho Tòa án thì bà thừa nhận chữ ký và chữ viết “Lê Hồng V” trong biên nhận này là của bà ký và viết nhưng đây không phải tiền vay mà là tiền hụi, tức là bà H làm chủ hụi còn bà là hụi viên, mỗi khi bà hốt hụi thì bà H giao tiền hụi cho bà rồi kêu bà ghi tên, ký vào biên nhận nhưng thực tế bà cũng không có nhận đủ số tiền ghi trong giấy vì bà còn phải trả tiền lãi, tiền góp cho bà H, số tiền thực tế bà nhận bao nhiêu thì bà cũng không nhớ chính xác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Phú L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; còn bà Lê Hồng V tại phiên tòa lần thứ nhất có mặt nhưng tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bà V vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà V.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS); Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào biên nhận ngày 01/4/2018 có nội dung thể hiện: Bà Lê Hồng V có nhận số tiền vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), lãi suất tiền vay là 1,6%/tháng, thời hạn vay là 1095 ngày kể từ ngày ký biên nhận; người giao tiền là bà Nguyễn Thị Thu H, người nhận tiền đã nhận đủ tiền là Lê Hồng V.

Căn cứ vào biên nhận ngày 13/4/2020 có nội dung thể hiện: Bà Lê Hồng V có nhận số tiền vay 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), lãi suất tiền vay là 1,6%/tháng, thời hạn vay là 1095 ngày kể từ ngày ký biên nhận; người giao tiền là bà Nguyễn Thị Thu H, người nhận tiền đã nhận đủ tiền là Lê Hồng V.

Như vậy, có căn cứ xác định bà Lê Hồng V có vay của bà Nguyễn Thị Thu H số tiền tổng cộng là 140.000.000 đồng. Việc bà V không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền đã vay cho bà H theo thỏa thuận là vi phạm Điều 466 của BLDS. Do đó, bà H yêu cầu bà V thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay với số tiền 140.000.000 đồng là đúng quy định tại Điều 466 của BLDS nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với lời trình bày của bà Lê Hồng V cho rằng chỉ có vay của bà H số tiền gốc là 22.000.000 đồng; còn chữ ký và chữ viết “Lê Hồng V” trong biên nhận này là của bà ký và viết nhưng đây không phải tiền vay mà là tiền hụi, tức là bà H làm chủ hụi còn bà là hụi viên, mỗi khi bà hốt hụi thì bà H giao tiền hụi cho bà rồi kêu bà ghi tên, ký vào biên nhận nhưng thực tế bà cũng không có nhận đủ số tiền ghi trong giấy vì bà còn phải trả tiền lãi, tiền góp cho bà H. Xét thấy, như đã phân tích nêu trên có đủ căn cứ xác định bà Lê Hồng V có vay của bà Nguyễn Thị Thu H số tiền tổng cộng là 140.000.000 đồng; trong khi bà V không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ nên không có cơ sở để xem xét chấp nhận. Do đó, bà V phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay tổng cộng là 140.000.000 đồng.

[4] Về yêu cầu tính lãi của bà H: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,6%/tháng trên số tiền nợ gốc, thời gian tính lãi kể từ ngày 01/05/2020 đến ngày 31/07/2024 là 51 tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 của BLDS nên được xem xét chấp nhận. Số tiền lãi được xác định là 114.240.000 đồng. Như vậy, số tiền gốc và lãi tổng cộng bà V phải có nghĩa vụ trả cho bà H là 254.240.000 đồng.

[5] Về trách nhiệm liên đới của ông Võ Phú L (chồng bà V): Xét thấy, việc bà V vay tiền là để làm vốn buôn bán, kiếm thêm thu nhập lo cuộc sống gia đình và phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà V và ông L. Do đó, căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông L phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà V trả cho bà H số tiền 254.240.000 đồng.

[6] Đối với yêu cầu xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 500.000 đồng của bà V nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Xét thấy, việc trả như thế nào là thuộc về giai đoạn thi hành án, do đó Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu trả dần của bà V.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.712.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên bà V, ông L phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí này.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;  
Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H đối với bà Lê Hồng V, ông Võ Phú L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Cụ thể tuyên:

Buộc bà Lê Hồng V và ông Võ Phú L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền là 254.240.000đ (Hai trăm năm mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng), tiền lãi là 114.240.000đ (Một trăm mười bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Hồng V và ông Võ Phú L phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí là 12.712.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.964.000đ (Năm triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001339 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

3/. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Lê Hồng V và ông

Võ Phú L vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LÊ CHÍ HẬU**